

**BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 1702/QĐ-YDHP

Hải Phòng, ngày 28 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình đào tạo trình độ chuyên khoa cấp I
chuyên ngành Ung thư**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG

Căn cứ quyết định số 06/1999/QĐ-TTg ngày 25/01/1999 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Y Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 2153/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi tên Trường Đại học Y Hải Phòng thành Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 1636/BYT-QĐ ngày 25/05/2001 của Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ quyết định số 931/BYT-QĐ ngày 25/8/2020 của trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa cấp I sau đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Giáo dục & Đào tạo Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ quyết định số 1359/QĐ-YDHP ngày 15/10/2021 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc quy định xây dựng, phát triển, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ Nghị quyết số 45/NQ-HĐT-YDHP ngày 20/4/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thông qua Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết quý I năm 2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng;

Căn cứ quyết định số 827/QĐ-YDHP ngày 10/05/2022 và quyết định số 964/QĐ-YDHP ngày 09/06/2022 của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng về việc thành lập Hội đồng rà soát và điều chỉnh Chương trình đào tạo trình độ Bác sĩ chuyên khoa I các chuyên ngành;

Theo đề nghị của ông/bà trưởng phòng Quản lý đào tạo Sau đại học, trường khoa Y.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Chuyên khoa cấp I, chuyên ngành Ung thư Mã số: 607223CK.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông/Bà trưởng khoa, bộ môn, trưởng phòng, ban, đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ GD&ĐT; Bộ Y tế (đề b/c);
- Lưu QLĐTSDH; VT.



*** PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

PGS. TS. Phạm Văn Linh

BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC HẢI PHÒNG



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CKI UNG THƯ

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1702/QĐ-YDHP ngày 28 tháng 9 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng)*

Hải Phòng – 2022

I. THÔNG TIN CHUNG

| | |
|---------------------------|-----------------------------------|
| Tên chương trình đào tạo: | Bác sĩ chuyên khoa cấp I- Ung thư |
| Trình độ đào tạo: | Bác sĩ chuyên khoa cấp I |
| Khối ngành: | Sức khỏe |
| Ngành đào tạo: | Bác sĩ chuyên khoa cấp I |
| Mã ngành: | CK 60 72 23 |
| Hệ đào tạo: | Sau đại học |
| Hình thức đào tạo: | Tập trung |
| Thời gian đào tạo: | 24 tháng |
| Tên văn bằng tốt nghiệp: | Bác sĩ chuyên khoa cấp I- Ung thư |
| Đơn vị đào tạo, cấp bằng: | Trường Đại học Y Dược Hải Phòng |
| Ngôn ngữ đào tạo: | Tiếng Việt |
| Đối tượng áp dụng: | Bác sĩ chuyên khoa cấp I- ung thư |
| Thời gian áp dụng: | Năm học 2022- 2024 |

II. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Mục tiêu của chương trình đào tạo bác sĩ CKI Ung thư được xây dựng phù hợp với Tâm nhìn – Sứ mạng – Triết lý giáo dục của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng; nhằm đáp ứng các nhu cầu xã hội về chăm sóc sức khỏe nhân dân.

1. Sứ mạng – Tâm nhìn – Triết lý giáo dục của Trường

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng; là trung tâm nghiên cứu khoa học chuyển giao công nghệ; cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe và phát triển y dược biển đảo.

Tâm nhìn: Xây dựng trường Đại học Y Dược Hải Phòng phát triển thành đại học tự chủ khối ngành sức khỏe có chất lượng, uy tín định hướng ứng dụng (tới năm 2025); đạt chuẩn khu vực (tới năm 2030) và hội nhập quốc tế.

Giá trị cốt lõi: “Chuyên nghiệp – Hội nhập – Hiệu quả”

Triết lý giáo dục: Lấy người học làm trung tâm – Lấy người bệnh làm trung tâm – Vì sức khỏe cộng đồng.

2. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Objectives: POs)

PO1: Chương trình đào tạo chuyên khoa I Ung thư nhằm mục tiêu trang bị cho người học các kiến thức, thái độ, kỹ năng trong khám, chẩn đoán phòng bệnh Ung thư

PO2: Trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong điều trị, tiên lượng và phòng chống các bệnh ung thư

PO3: Chủ động giải quyết được các vấn đề liên quan đến chuyên môn trong y tế, phát triển bền vững thành các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên ngành

PO4: Có khả năng thích ứng với nhu cầu thực tiễn của xã hội, có ý thức phục vụ nhân dân.

PO5: Giao tiếp hiệu quả với đồng nghiệp, người bệnh và gia đình người bệnh.

III. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Chuẩn đầu ra của CTĐT (Program Learning Outcomes: PLOs)

1.1. Chuẩn đầu ra về kiến thức:

PLO1: Tổng hợp được các kiến thức khoa học cơ bản và y học cơ sở liên quan đến chuyên ngành để khám bệnh, chẩn đoán, điều trị, tiên lượng ung thư và nghiên cứu khoa học các bệnh lý ung thư.

PLO2: Có khả năng khám chữa bệnh độc lập tại cơ sở khám chữa bệnh chuyên khoa

PLO3: Tư duy sáng tạo, độc lập, cập nhật các kiến thức mới trong chuyên ngành

PLO4: Hướng dẫn các đồng nghiệp thực hiện chuyên môn, triển khai nhiều hoạt động nghề nghiệp tại cơ sở

PLO5: Có khả năng sử dụng 1 ngoại ngữ thực hành nghề nghiệp, tìm kiếm tài liệu, chứng cứ y học và giao tiếp.

PLO6: Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi ra trường: BS CKII

1.2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng

PLO7: Khả năng chỉ định và phân tích các xét nghiệm để chẩn đoán chính xác, giai đoạn, điều trị, phòng bệnh ung thư.

PLO8: Xử trí các cấp cứu trong ung thư (ngoại khoa: tắc ruột, thủng tạng rỗng, chảy máu u; cấp cứu hạ bạch cầu, tiểu cầu trong điều trị toàn thân)

PLO9: Sử dụng thành thạo các thiết bị y tế để chẩn đoán (sinh thiết kim lõi, sinh thiết mở) và điều trị bệnh ung thư

PLO10: Giao tiếp tốt với bệnh nhân, gia đình bệnh nhân và đồng nghiệp

PLO11: Sử dụng thành thạo tiếng Anh để tra cứu tài liệu trong thực hành

PLO12: Khả năng học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiên cứu khoa học

PLO13: Giúp đỡ đồng nghiệp triển khai nhiều kỹ thuật tại cơ sở làm việc

1.3. Chuẩn đầu ra về mức tự chủ và trách nhiệm

PLO14: Nhận thức được vai trò của bác sĩ chuyên khoa cấp I trong hoạt động chuyên môn, đào tạo và nghiên cứu khoa học

PLO15: Có khả năng xây dựng, quyết định về kế hoạch làm việc, vị trí việc làm, quản lý khoa phòng tại cơ sở khám chữa bệnh

PLO16: Tôn trọng pháp luật và quy định của ngành về khám chữa bệnh

PLO17: Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc sức khỏe của nhân dân

PLO18: Đưa ra các kiến nghị, đề xuất trong nhằm cải thiện công tác khám chữa bệnh, mua sắm trang thiết bị y tế

2. Sự phù hợp với mục tiêu của CTĐT

| PLO | Sứ mạng | Tầm nhìn | Giá trị cốt lõi | Triết lý giáo dục |
|-------|---------|----------|-----------------|-------------------|
| PLO1 | x | | x | x |
| PLO2 | x | | x | x |
| PLO3 | x | x | | x |
| PLO4 | x | x | | x |
| PLO5 | x | x | | x |
| PLO6 | x | x | | x |
| PLO7 | x | | | x |
| PLO8 | x | | x | x |
| PLO9 | | | x | |
| PLO10 | | | x | |
| PLO11 | | | x | x |
| PL012 | | x | | |
| PLO13 | | | x | |
| PLO14 | x | x | x | |
| PL015 | | x | x | |

| | | | | |
|-------|---|---|---|---|
| PLO16 | x | | x | x |
| PLO17 | x | x | x | x |
| PLO18 | | x | x | |

3. Sự phù hợp với Khung trình độ quốc gia Việt Nam và chuẩn năng lực ngành

| Chuẩn đầu ra CTĐT | Khung trình độ quốc gia Bậc 7 (Phụ lục 1) | Tiêu chuẩn chức danh bác sĩ chính (Hạng II) (Phụ lục 2) |
|-------------------|---|---|
| PLO1 | KT1-3 | TC1 |
| PLO2 | KT1-3 | TC1 |
| PLO3 | KT1-3 | TC1 |
| PLO4 | KT1-3 | TC1 |
| PLO5 | KT1-3 | TC2-3 |
| PLO6 | KN1-3 | TC2-3 |
| PLO7 | KN1-3 | TC5 |

4. Các hoạt động chuyên môn chủ chốt – Entrustable Professional Activities (EPA)

| EPA | Diễn giải | Năm 1 | Năm 2 |
|-----|--|-------|-------|
| 1A | Khai thác bệnh sử, tiền sử | 4 | 5 |
| 1B | Khám thực thể | 4 | 5 |
| 2 | Liệt kê các chẩn đoán tiềm năng | 4 | 5 |
| 3 | Chỉ định và phân tích kết quả CLS thông thường | 4 | 5 |
| 4 | Kê đơn thuốc | 3 | 4 |
| 5 | Ghi chép hồ sơ, bệnh án | 4 | 5 |
| 6 | Trình bày ca lâm sàng | 3 | 4 |
| 7 | Tìm kiếm chứng cứ y khoa trong chăm sóc người bệnh | 3 | 4 |
| 8 | Bàn giao và tiếp nhận người bệnh | 3 | 4 |

| | | | |
|----|--|---|---|
| 9 | Hợp tác trong nhóm chăm sóc người bệnh | 3 | 4 |
| 10 | Phát hiện và xử trí các tiến triển nặng của người bệnh | 3 | 4 |
| 11 | Thảo luận để có sự đồng thuận của người bệnh | 3 | 4 |
| 12 | Thực hiện các thủ thuật/ kỹ thuật | 3 | 4 |
| 13 | Thực hiện các kỹ thuật ung thư cơ bản | 2 | 3 |
| 14 | Tham gia thực hành các vấn đề ung thư khoa chuyên sâu | 2 | 3 |
| 15 | Phòng ngừa các sự cố y khoa | 2 | 3 |
| 16 | Kết hợp nghiên cứu khoa học và phân tích thống kê y sinh trong chăm sóc người bệnh | 3 | 4 |
| 17 | ứng dụng nghiên cứu khoa học và phân tích thống kê y sinh trong thực hành y khoa | 3 | 4 |

Ghi chú:

1: Giám sát trực tiếp (Direct supervision) : học viên có thể tiến hành được cùng với sự giám sát trực tiếp của người hướng dẫn có mặt bên giường bệnh. Một phần của hoạt động ở trình độ này có thể được phối kết hợp với hoạt động của người hướng dẫn để hoàn thành được.

2. Giám sát chủ động (Proactive supervision): học viên có thể triển khai đầy đủ hoạt động chuyên môn khi có mặt người giám sát. Người giám sát có thể can thiệp khi thấy cần thiết và có trách nhiệm kiểm chứng lại toàn bộ những điều học viên tìm được.

3: Giám sát đáp ứng (Responsive supervision): học viên có thể tiến hành hoạt động chuyên môn một cách hoàn toàn độc lập trong khi người hướng dẫn chỉ có mặt tại nơi tiến hành trong một vài phút. Học viên có thể sử dụng liên hệ trợ giúp qua điện thoại với người hướng dẫn. Người hướng dẫn chịu trách nhiệm kiểm chứng lại các điểm mấu chốt trong những điểm học viên tìm được.

4: Giám sát gián đoạn (Postponed supervision): học viên có thể tiến hành toàn bộ hoạt động chuyên môn chỉ với sự giám sát gián đoạn của người hướng dẫn. Học viên có thể tiến hành báo cáo sau khi đã hoàn thành hoạt động chuyên môn. Giai đoạn này thường định hướng tới việc thực hành không cần sự giám sát và đánh dấu một sự tin tưởng đủ vững chắc cho phép cấp chứng chỉ để học viên được tiếp nhận toàn bộ trách nhiệm trong các hoạt động chuyên môn được giao phó.

5: Cung cấp sự giám sát (Provide supervision): học viên cho thấy được khả năng giám sát và có thể đảm nhiệm vai trò này đối với các học viên khóa sau.

IV. VỊ TRÍ VIỆC LÀM – CƠ HỘI HỌC TẬP NÂNG CAO

1. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo BS CKI chuyên ngành Ung thư, học viên có khả năng đảm nhiệm công tác khám chữa bệnh, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và quản lý tại:

- Các cơ sở y tế: Trung tâm Y tế, bệnh viện các tuyến...
- Các cơ sở giáo dục đào tạo đại học, cao đẳng thuộc khối ngành khoa học sức khỏe với chức danh giảng viên, nghiên cứu viên.
- Các Viện nghiên cứu, cơ quan quản lý hay tổ chức chuyên môn với chức danh nghiên cứu viên, chuyên viên y tế.
- Tại đơn vị khám, chữa bệnh với công tác tổ chức, quản lý và điều hành chuyên môn.

2. Cơ hội học tập nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo BS CKI chuyên ngành Ung thư, học viên có khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các bậc cao hơn ở trong và ngoài nước:

- Tham gia các chương trình đào tạo Bác sĩ chuyên khoa cấp II.
- Tiếp tục nghiên cứu những hướng mới, chuyên sâu trong lĩnh vực ung thư.

V. TUYỂN SINH

1. Đối tượng tuyển sinh

- Thí sinh có bằng đại học thuộc ngành học tương ứng với ngành/ chuyên ngành đăng ký dự thi.
- Bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành.
- Có đủ sức khỏe để học tập.
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.
- Người nước ngoài muốn học BS CKI tại Việt Nam, phải có đủ các điều kiện quy định ở điều này, được Bộ Y Tế chấp nhận và tuân theo các quy định hiện hành.

2. Thông tin tuyển sinh và thời gian tuyển sinh

- Thi tuyển sinh đào tạo trình độ bác sĩ chuyên khoa I chuyên ngành ung thư khoa được tổ chức vào tháng 8 hàng năm theo kế hoạch của Bộ Giáo dục & Đào tạo. Hiệu trưởng căn cứ vào tình hình thực tế của Trường để xác định thời điểm tuyển sinh cho từng năm.

- Với năm 2022, thời gian nhận hồ sơ dự thi tuyển đến hết ngày 30/06/2022.
- Dự kiến thí sinh tập trung ôn thi tại trường từ 01/07/2022.
- Dự kiến thời gian thi tuyển vào tuần cuối tháng 07 năm 2022.
- Thông báo được niêm yết tại Trường, gửi đến các đơn vị đào tạo của Nhà trường, các trường đào tạo nhân viên y tế, các cơ sở y tế và các cơ quan, đơn vị có liên quan và được đăng tải trên website của Trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

3. Môn thi tuyển

- a) Môn thi 1 (cơ sở): Môn Giải phẫu bệnh
- b) Môn thi 2 (chuyên ngành): Môn Ung thư.

4. Trúng tuyển và nhập học

a) Điều kiện trúng tuyển:

- Các môn thi đều phải đạt 5 điểm trở lên (sau khi đã cộng điểm ưu tiên)

-Trường hợp có nhiều thí sinh có cùng tổng điểm các môn thi như nhau thì sẽ xét đến mức điểm cao hơn của môn chuyên ngành. Môn ngoại ngữ được dùng để xét chọn khi có các thí sinh bằng điểm nhau, không tính vào tổng điểm.

-Số lượng trúng tuyển căn cứ theo chỉ tiêu xác định của cơ sở đào tạo và tổng điểm (đã cộng điểm ưu tiên) các môn thi của từng thí sinh.

b) Công nhận trúng tuyển:

Sau khi có kết quả thi tuyển, học viên trúng tuyển sẽ nhận được giấy báo nhập học từ Phòng Đào tạo Sau đại học của trường Đại học Y Dược Hải Phòng.

+ Dự kiến công bố kết quả thi tuyển ngày 10/08/2022

+ Dự kiến nhận đơn phúc khảo từ ngày 11/08/2022 đến ngày 13/08/2022

+ Dự kiến công bố kết quả trúng tuyển ngày 25/08/2022

+ Dự kiến nhập học ngày 05/09/2022

VI. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO – ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

5. Tiến trình đào tạo

CTĐT được xây dựng dựa trên nguyên tắc tích hợp và lồng ghép các kiến thức khoa học cơ bản, y học cơ sở và y tế công cộng, liên tục về kỹ năng và thái độ từ các môn chung, môn cơ sở hỗ trợ đến các môn chuyên ngành (bắt buộc và tự chọn) và làm luận văn tốt nghiệp với tiến trình đào tạo như sau:

Bảng phân bố tổng quát các môn học theo học kỳ trong toàn khoá

| Mã số | TÊN MÔN HỌC | Thời lượng (Tín chỉ) | Học kỳ | | | |
|--------------------------------|---------------------------|-------------------------|--------|----|-----|----|
| | | | I | II | III | IV |
| A. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG | | 7 | | | | |
| | 1. Triết học | 3 | | | | |
| | 2. Tin học ứng dụng | 2 | | | | |
| | 3. Ngoại ngữ chuyên ngành | 2 | | | | |
| B. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ | | 8 | | | | |

| | | | | | | |
|---|-------------------------------|-----------|--|--|--|--|
| | 4. Giải phẫu | 2 | | | | |
| | 5. Chẩn đoán hình ảnh | 3 | | | | |
| | 6. Giải phẫu bệnh | 3 | | | | |
| C. CÁC MÔN CHUYÊN NGÀNH BẮT BUỘC | | 26 | | | | |
| | Đại cương ung thư | 5 | | | | |
| | Phẫu thuật ung thư | 6 | | | | |
| | Xạ trị ung thư | 6 | | | | |
| | Điều trị toàn thân | 5 | | | | |
| | Chăm sóc giảm nhẹ | 5 | | | | |
| D. PHẦN KIẾN THỨC TỰ CHỌN | | 20 | | | | |
| | Ngoại khoa | 10 | | | | |
| | Xạ trị chuyên sâu | | | | | |
| | Điều trị toàn thân chuyên sâu | 10 | | | | |
| | Hồi sức tích cực | | | | | |
| E. HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP | | 2 | | | | |
| | TỔNG | 63 | | | | |

6. Điều kiện tốt nghiệp

a. Điều kiện dự thi kết thúc môn học:

- Học viên được tham dự kỳ thi kết thúc môn học khi đủ các điều kiện sau:
 - + Tham dự ít nhất 80% số tiết lên lớp lý thuyết đã quy định trong đề cương chi tiết môn học.
 - + Tham dự đầy đủ các buổi thực tập, thực hành.
- Học viên học, thi chứng chỉ không đúng theo lịch của khoá phải chủ động liên hệ với Phòng Đào tạo Sau đại học để học, thi vào thời gian thích hợp và phải tự túc kinh phí.
- Học viên có điểm môn học không đạt yêu cầu sẽ được dự thi lại lần 2, lịch thi lại lần 2 do Phòng Đào tạo Sau đại học và đơn vị đào tạo sắp xếp. Với kết quả

thi lại mà điểm môn học vẫn không đạt yêu cầu, học viên phải học cùng với cao học khóa tiếp sau và phải tự túc kinh phí học tập.

- Học viên có 3 môn trở lên phải thi lại hoặc có 1 môn thi lại lần 3 vẫn không đạt yêu cầu học viên sẽ bị buộc thôi học.

b. Điều kiện dự thi tốt nghiệp

a) Điều kiện:

Sau khi học viên đã hoàn thành toàn bộ chương trình đào tạo, kết quả thi các học phần từ đạt trở lên và không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên

b) Các môn thi tốt nghiệp: gồm thi tốt nghiệp môn chuyên ngành

- Thi tốt nghiệp môn chuyên ngành, gồm 2 phần:
 - + Phần lý thuyết thi câu hỏi MCQs (50 câu/ 60 phút) về các chuyên đề chuyên ngành đã học
 - + Phần thực hành: Biện luận lâm sàng *0,5 (Mini-Cex)+ Kiểm tra kỹ năng*0,5(Bảng kiểm phụ lục 5)

c. Điều kiện cấp bằng điểm, văn bằng

a) Điều kiện tốt nghiệp:

- Hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định;
- Kết quả thi các học phần đạt yêu cầu;
- Thi tốt nghiệp chuyên ngành ≥ 7 điểm;
- Không đang trong thời gian chịu kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc đang trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

b) Cấp bằng điểm, văn bằng:

- Hiệu trưởng ra quyết định cấp bằng và bằng điểm cho học viên đủ điều kiện tốt nghiệp (Đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định; Hoàn thành đầy đủ các học phần; Đạt đủ điều kiện tốt nghiệp)

- Bảng điểm cấp cho học viên phải liệt kê đầy đủ tên các học phần trong chương trình đào tạo, thời lượng của mỗi học phần, điểm đánh giá học phần lần 1 và lần 2 (nếu có), điểm trung bình chung học tập toàn khóa.

- Học viên đủ điều kiện được bằng Bác sĩ CKI chuyên ngành đào tạo. Phôi bằng tốt nghiệp Bác sĩ CKI do Bộ Y tế thống nhất ban hành và quản lý.

VII. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7. Khối lượng kiến thức toàn khóa

| TT | Khối kiến thức | Tổng số tín chỉ | Tỷ lệ | Tổng số tiết | Phân bố tín chỉ | |
|----|-----------------------------|-----------------|-------|--------------|-----------------|--------------|
| | | | | | LT | TH (hoặc LS) |
| 1. | Phần kiến thức chung | 7 | 11.9% | 135 | 6 | 1 |
| 2. | Phần kiến thức cơ sở | 8 | 13% | 210 | 4 | 4 |
| 3. | Phần kiến thức chuyên ngành | 26 | 41% | 750 | 14 | 12 |
| 4. | Phần kiến thức tự chọn | 20 | 31% | 660 | 8 | 12 |
| 5. | Học phần tốt nghiệp | 2 | 3.1% | 60 | 1 | 1 |
| 6. | TỔNG | 63 | | 1815 | | |

8. Khung chương trình đào tạo

| TT | Mã số | Tên học phần/môn học | Tổng số tín chỉ | Tổng số tiết | Phân bố tín chỉ/ tiết học | |
|------------------------------------|-------|-------------------------------|--------------------|-----------------|---------------------------|--------------|
| | | | | | LT | TH (hoặc LS) |
| PHẦN KIẾN THỨC CHUNG | | | 7 | 135 | 90 | 45 |
| 1. | | Triết học | 3 | 45 | 45 | 0 |
| 2. | | Ngoại ngữ chuyên ngành | 2 | 30 | 30 | 0 |
| 3. | | Tin học ứng dụng | 2 | 60 | 15 | 45 |
| PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ | | | 8 | 210 | 60 | 150 |
| 4. | | Giải phẫu | 2 | 30 | 30 | 0 |
| 5. | | Chẩn đoán hình ảnh | 3 | 105 | 15 | 90 |
| 6. | | Giải phẫu bệnh | 3 | 75 | 15 | 60 |
| PHẦN KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH | | | 26 | 750 | 210 | 540 |

| | | | | | | |
|-------------------------------|-----------------------|-------------------------------|-----------|-------------|--------------|--------------|
| 7. | | Đại cương ung thư | 4 | 120 | 2(30) | 2(90) |
| 8. | | Phẫu thuật ung thư | 6 | 150 | 3(45) | 3(105) |
| 9. | | Xạ trị ung thư | 6 | 150 | 3(45) | 3(105) |
| 10. | | Điều trị toàn thân | 5 | 135 | 3(45) | 2(90) |
| 11. | | Chăm sóc giảm nhẹ | 5 | 135 | 3(45) | 2(90) |
| PHẦN KIẾN THỨC TỰ CHỌN | | | 20 | 660 | 120 | 540 |
| 12. | Chọn 1 trong 2 | Ngoại khoa | 10 | 330 | 4(60) | 6(270) |
| 13. | | Xạ trị chuyên sâu | | | | |
| 14. | Chọn 1 trong 2 | Điều trị toàn thân chuyên sâu | 10 | 330 | 4(60) | 6(270) |
| 15. | | Hồi sức tích cực | | | | |
| HỌC PHẦN TỐT NGHIỆP | | | 2 | 60 | 1(15) | 1(45) |
| TỔNG | | | 63 | 1815 | 495 | 1320 |

3. Ma trận Học phần và Chuẩn đầu ra của CTĐT

| Học phần | Chuẩn đầu ra | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|----------------------------------|--------------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|--|
| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 11 | PLO 12 | PLO 13 | PL0 14 | PL0 15 | PLO 16 | PLO 17 | PLO 18 | |
| Tin học | | | | | | X | | | | X | | | | | | | | |
| Ngoại ngữ | | | | | | X | | | | X | X | X | | | | | | |
| Tin học ứng dụng | | | | | | X | | | | | X | X | | | | | | |
| Giải phẫu | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Giải phẫu bệnh | X | X | | | | | X | X | | | | X | | | | | | |
| Chẩn đoán hình ảnh | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Đại cương ung thư | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Phẫu thuật ung thư | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Xạ trị ung thư | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Điều trị toàn thân | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Chăm sóc giảm nhẹ | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Ngoại khoa | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Xạ trị chuyên sâu | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Điều trị toàn thân chuyên sâu | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |
| Hồi sức tích cực | X | X | | | | | X | X | X | | | X | | | | | | |

9. Mô tả các học phần

| TT | Học phần | Mã học phần | Số tín chỉ | |
|-----------------------------|---|-------------|------------|-----------|
| | | | Lý thuyết | Thực hành |
| Môn học chung | | | 6 | 1 |
| 1 | Triết học: Cung cấp các kiến thức cơ bản và chuyên đề chuyên sâu về triết học nói chung và chủ nghĩa Mác trong nghiên cứu y tế công cộng và phân tích các vấn đề xã hội. | | 3 | 0 |
| 2 | Tin học: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cơ bản về tin học ứng dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp. | | 1 | 1 |
| 3 | Ngoại ngữ: cung cấp cho học viên các kiến thức về tiếng anh giao tiếp, tiếng anh chuyên ngành giúp học viên áp dụng trong học tập và thực hành nghề nghiệp. | | 2 | 0 |
| Môn cơ sở | | | 6 | 2 |
| 1 | Giải phẫu: Cung cấp cho học viên các kiến thức về giải phẫu và ứng dụng trong học tập và thực hành lâm sàng. | | 2 | 0 |
| 2 | Giải phẫu bệnh: cung cấp cho học viên các kiến thức lý thuyết giải phẫu bệnh và ứng dụng trong học tập và thực hành lâm sàng | | 2 | 1 |
| 3 | Chẩn đoán hình ảnh: trang bị cho học viên những kiến thức lý thuyết chẩn đoán hình ảnh và ứng dụng trong thực hành lâm sàng | | 2 | 1 |
| Các môn chuyên ngành | | | 14 | 13 |

| | | | | |
|---|---|--|---|---|
| 1 | <p>Đại cương ung thư: Học phần Đại Cương Ung Thư thuộc khối kiến thức chuyên ngành ung thư, gồm hai phần: lý thuyết và thực hành lâm sàng. Học phần này sẽ cung cấp cho học viên BCKI Ung Bướu kiến thức cơ bản về ung thư, kỹ năng chẩn đoán và nguyên tắc điều trị bệnh ung thư, bao gồm: dịch tễ, nguyên nhân gây ung thư, tính chất của u ác tính, phân loại u, công tác sàng lọc chẩn đoán sớm và phòng chống bệnh ung thư, chẩn đoán xác định, các nguyên tắc điều trị ung thư. Học phần này hỗ trợ bác sĩ chuyên khoa rèn luyện năng lực thăm khám lâm sàng, phân tích, đánh giá và ra quyết định trong chẩn đoán và phát hiện sớm, vận dụng được kiến thức để tư vấn, giáo dục sức khỏe, phòng bệnh, quản lý người bệnh mắc các bệnh ung thư phổ biến tại cộng đồng và cơ sở y tế.</p> | | 2 | 1 |
| 2 | <p>Phẫu thuật ung thư: Học phần điều trị phẫu thuật cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên CKI ung thư về các phương pháp điều trị phẫu thuật: chỉ định, mục đích điều trị, biến chứng điều trị. Học phần này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức</p> | | 3 | 3 |

| | | | | |
|---|--|--|---|---|
| | chuyên sâu trong chuyên ngành ung thư tại các trình độ học tiếp theo. | | | |
| 3 | Xạ trị ung thư: Học phần điều trị Xạ trị Ung thư cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên CKI ung thư về các phương pháp điều trị xạ trị: chỉ định, các phương pháp xạ trị, các phối hợp, phân liều điều trị, xử lý các tác dụng không mong muốn. Học phần này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành ung thư tại các trình độ học tiếp theo | | 3 | 3 |
| 4 | Điều trị toàn thân ung thư: Học phần điều trị toàn thân cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên CKI ung thư về các phương pháp điều trị toàn thân: chỉ định, các phác đồ điều trị, xử lý các tác dụng không mong muốn. Học phần này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành ung thư tại các trình độ học tiếp theo. | | 3 | 3 |

| | | | | |
|---|---|--|----------|-----------|
| 5 | Chăm sóc giảm nhẹ: Học phần chăm sóc giảm nhẹ cung cấp kiến thức cơ bản cho học viên CKI ung thư về việc chăm sóc giảm nhẹ toàn diện và điều trị chống đau trong ung thư: phương pháp, chỉ định cụ thể, các phác đồ điều trị chống đau. Học phần này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành ung thư tại các trình độ học tiếp theo. | | 3 | 3 |
| Các môn tự chọn (học viên chọn 2 trong 4 môn học sau) | | | 8 | 12 |
| 1 | Ngoại: Học phần hỗ trợ ngoại cung cấp cho học viên các kiến thức về ngoại khoa cơ bản. Nội dung kiến thức tập chung hướng dẫn học viên về các kĩ năng trong chuyên ngành. Trong quá trình học đại học, sinh viên đã được học một số bệnh lý ngoại khoa cơ bản về tiêu hóa, gan mật, chấn thương, tiết niệu.... Trong quá trình học bác sĩ chuyên khoa I, học viên sẽ được học những kiến thức chưa được học trong quá trình học đại học, bổ sung những kiến thức nâng cao về lĩnh vực ngoại khoa cơ bản. | | 4 | 6 |
| 2 | Xạ trị chuyên sâu: | | 4 | 6 |

| | | | | |
|-----------------------|---|--|----------|----------|
| 3 | Điều trị toàn thân chuyên sâu: Học phần điều trị toàn thân chuyên sâu cung cấp kiến thức chuyên sâu cho học viên CKI ung thư về các phương pháp điều trị toàn thân: chẩn đoán chính xác, phân tích các kết quả xét nghiệm, chỉ định chính xác các phác đồ điều trị cụ thể của từng giai đoạn bệnh, xử lý thành thạo các tác dụng không mong muốn. Học phần này cũng cung cấp kiến thức chuyên sâu và là điều kiện bắt buộc để các học viên có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các kiến thức chuyên sâu trong chuyên ngành ung thư tại các trình độ học tiếp theo. | | 4 | 6 |
| 4 | Hồi sức cấp cứu: | | 4 | 6 |
| Thi tốt nghiệp | | | 3 | 6 |

VIII. PHƯƠNG PHÁP DẠY-HỌC

Tùy theo từng môn học cụ thể, giảng viên có thể kết hợp các phương pháp giảng dạy/học tập tích cực như thuyết trình, thảo luận nhóm, phương pháp giảng dạy dựa trên vấn đề (Scenario – Based learning), bài tập cá nhân, bài tập nhóm để trang bị cho học viên kiến thức cơ bản và chuyên ngành cũng như kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng mềm (kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng giải quyết vấn đề).

| Học phần | Phương pháp dạy-học | | | | | | Tổng số phương pháp |
|-------------------------|---------------------|---------|----------------|--------------|-------------------|-------------|---------------------|
| | Thuyết trình | Clicker | Thảo luận nhóm | Đóng vai/SBL | Quan sát/Kiểm tập | Ca lâm sàng | |
| Môn học chung | | | | | | | |
| 1. Triết | x | | x | | | | 2 |
| 2. Tin học | x | | x | | x | | 3 |
| 3. Ngoại ngữ | x | | x | x | | | 3 |
| Môn cơ sở | | | | | | | |
| 4. Giải phẫu | x | | x | | | | 2 |
| 5. Giải phẫu bệnh | x | | x | | x | | 3 |
| 6. Chẩn đoán hình ảnh | x | | x | | x | | 3 |
| Môn chuyên ngành | | | | | | | |
| 7. Đại cương ung thư | x | | x | | x | x | 4 |
| 8. Phẫu thuật ung thư | x | | x | | x | x | 4 |
| 9. Xạ trị ung thư | x | | x | | x | x | 4 |
| 10. Điều trị toàn thân | x | | x | | x | x | 4 |
| 11. Chăm sóc giảm nhẹ | x | | x | | x | x | 4 |
| Môn tự chọn | | | | | | | |

| Học phần | Phương pháp dạy-học | | | | | | Tổng số phương pháp |
|-----------------------------------|---------------------|---------|----------------|--------------|-------------------|-------------|---------------------|
| | Thuyết trình | Clicker | Thảo luận nhóm | Đóng vai/SBL | Quan sát/Kiến tập | Ca lâm sàng | |
| 13. Ngoại | x | | x | x | x | x | 5 |
| 14. Xạ trị chuyên sâu | x | | x | | x | x | 4 |
| 15. Điều trị toàn thân chuyên sâu | x | | x | | x | x | 4 |
| 16. Hồi sức cấp cứu | x | | x | | x | x | 4 |

IX. PHƯƠNG PHÁP LƯỢNG GIÁ, ĐÁNH GIÁ

Kết quả học tập của học viên được đánh giá bằng nhiều hình thức như:

- Với các học phần lý thuyết: kiểm tra quá trình, đánh giá chuyên cần, thi hết học phần (với các hình thức thi viết, câu hỏi trắc nghiệm, vấn đáp, câu hỏi ngắn, bài tập nhóm, trình bày kết quả thảo luận, kết quả bài tập cá nhân,..)
- Với các học phần thực hành: kiểm tra quá trình, thi kết thúc học phần với các hình thức thi báo cáo chuyên đề, vấn đáp, thi tay nghề.

| Học phần | Phương pháp lượng giá/đánh giá | | | | | | Tổng số phương pháp |
|-----------------------------------|--------------------------------|--------------|-----------|--------------------|---------------------|--------------------|---------------------|
| | MC Q | Viết tự luận | Thực hành | Báo cáo/ Tiểu luận | Bài tập/ Tình huống | Vấn đáp/ Bảng kiểm | |
| 1. Triết học | | x | | x | | | 2 |
| 2. Tin học | | x | | x | | | 2 |
| 3. Ngoại ngữ | x | | | | x | | 2 |
| 4. Giải phẫu | x | | x | | | x | 3 |
| 5. Giải phẫu bệnh | x | | x | | | | 2 |
| 6. Chẩn đoán hình ảnh | x | | | | | x | 2 |
| 7. Đại cương ung thư | x | | x | | | x | 3 |
| 8 Phẫu thuật ung thư | x | | x | | | x | 3 |
| 9. . Xạ trị ung thư | x | | x | | | x | 3 |
| 10. Điều trị toàn thân | x | | x | | | x | 3 |
| 11. Ngoại | x | | x | | | x | 3 |
| 12. Xạ trị chuyên sâu | x | | x | | | x | 3 |
| 13. Điều trị toàn thân chuyên sâu | x | | x | | | x | 3 |
| 14. Hồi sức cấp cứu | | | | | | | 3 |
| 15. Tốt nghiệp | x | | x | | | x | 3 |

X. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Các hoạt động dạy – học do Bộ môn Ung bướu chỉ đạo chuyên môn và thực hiện.
- Phòng đào tạo Sau Đại học chịu trách nhiệm quản lý và phối hợp triển khai.

- Phương pháp đào tạo BS CKI được thực hiện chủ yếu bằng tự học, tự nghiên cứu dưới sự hướng dẫn của giảng viên, coi trọng thực hành và các kỹ năng nghề nghiệp, phát triển tư duy sáng tạo trong học tập và nghiên cứu.

- Tổ chức đào tạo theo tín chỉ. Học viên học tập trung toàn thời gian tại cơ sở đào tạo và cơ sở thực hành, thực hiện theo kế hoạch do cơ sở đào tạo quy định.

- Bệnh viện/viện thực hành đóng vai trò chính trong việc tổ chức đào tạo thực hành chuyên môn và tay nghề cho BS CKI. Giảng viên mời giảng của bệnh viện thực hành kết hợp với giảng viên của trường tổ chức giảng dạy thực hành, quản lý và lượng giá học viên. Giấy chứng nhận kết quả thực hành do giám đốc bệnh viện thực hành cấp là một phần kết quả học phân của học viên.

XI. ĐỐI SÁNH CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Các chương trình đào tạo, tài liệu tham khảo trong quá trình xây dựng chương trình:

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam (Bậc 7) (xem phụ lục 1).

- Thông tư liên tịch 10/2015/TTLT-BYT-BNV quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp bác sĩ chính do Bộ trưởng Bộ Y tế - Bộ Nội vụ ban hành (Hạng II). (xem phụ lục 2).

- CTĐT và Chuẩn đầu ra trình độ Bác sĩ Chuyên khoa I ngành ung thư – trường Đại học Y Dược Huế năm 2020

PHỤ TRÁCH CTĐT



PGS TS LÊ MINH QUANG

HIỆU TRƯỞNG



PGS TS NGUYỄN VĂN KHẢI